

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Công trình: XÂY DỰNG TƯỢNG ĐÀI VÀ CẢI TẠO
NÂNG CẤP VỎ MỘ LIỆT SỸ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật & Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Xây dựng tượng đài và cải tạo nâng cấp vỏ mộ Liệt sỹ;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Phước Quang tại Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 03/10/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 611/TTr-TCKH ngày 05/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

Tên Công trình: Xây dựng tượng đài và cải tạo nâng cấp vỏ mộ Liệt sỹ

+ Chủ đầu tư: UBND xã Phước Quang;

+ Địa điểm xây dựng: xã Phước Quang, huyện Tuy Phước;

+ Nguồn vốn: Ngân sách cấp trên hỗ trợ và ngân sách xã Phước Quang;

+ Thời gian khởi công - hoàn thành: 17/7/2020 – 17/10/2020; nghiệm thu đưa vào sử dụng: 15/10/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được duyệt
Tổng số		3.665.620.000	3.122.835.000
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư	-	-
2	Xây dựng	3.043.022.000	2.744.944.000
3	Thiết bị	-	-
4	Quản lý dự án	90.793.000	90.793.000
5	Tư vấn	259.883.000	259.883.000
6	Chi phí khác	97.369.000	27.215.000
7	Dự phòng	174.553.000	-

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng số	3.665.620.000	3.122.835.000	1.244.201.000	1.878.634.000	-
1	Vốn đầu tư công	3.665.620.000	3.122.835.000	1.244.201.000	1.878.634.000	-
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	3.665.620.000	3.122.835.000	1.244.201.000	1.878.634.000	-
-	Vốn ngân sách trung ương	893.000.000	893.000.000	693.000.000	200.000.000	
-	Vốn ngân sách địa phương	2.772.620.000	2.229.835.000	551.201.000	1.678.634.000	-
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi	Giá trị thực tế	Giá trị qui đổi
Tổng số	3.122.835.000			

1. Tài sản dài hạn (TS cố định)	3.122.835.000			
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	3.122.835.000	
1	Vốn đầu tư công	3.122.835.000	
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	3.122.835.000	
-	Vốn ngân sách trung ương	893.000.000	
-	Vốn ngân sách địa phương	2.229.835.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2	Vốn khác		

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 22/4/2022 là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng,

+ Tổng nợ phải trả: 1.878.634.000 đồng.

Trong đó:

- Công ty CP Đầu tư XD TM Tân Hoàng An (XL): 1.751.944.000 đồng;

- Công ty TNHH TVXD TH Thanh Linh (QLDA): 90.793.000 đồng;

- Công ty TNHH TVXD TM Phúc Nguyên (HSDX): 8.682.000 đồng;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (thẩm định): 9.516.000 đồng;

- Phòng Tài chính- KH huyện (thẩm tra QT): 17.699.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3
UBND xã Phước Quang	3.122.835.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Căn cứ số liệu quyết toán được phê duyệt, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện các nghiệp vụ cấp phát, thanh toán, hạch toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Quang, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hùng Tân